

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán

alm

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 - 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 34
Phụ lục 01	35 - 36
Phụ lục 02	37

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22 tháng 4 năm 1998 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26 tháng 6 năm 1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000765 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay theo Quyết định số 115/QĐ -BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 357.216.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cầu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cầu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cầu kết thép, cầu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

Ngoài ra, Tổng Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hiếu	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Ban	Ủy viên
Bà Trương Thị Minh Lan	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khương Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc *[Signature]*



Phan Quốc Hiếu

Số: 200./2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được lập ngày 14 tháng 5 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Báo cáo tài chính hợp nhất được Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi chúng tôi, báo cáo tài chính của các Công ty con được kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập khác và các thông tin, số liệu tài chính được cung cấp bởi các Công ty con. Phạm vi kiểm toán của chúng tôi chỉ giới hạn trong việc kiểm tra việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty căn cứ trên báo cáo tài chính và các thông tin, số liệu tài chính của Tổng Công ty và của các Công ty con. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các thông tin và số liệu tài chính do các Công ty con cung cấp, cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất.
- Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con được sử dụng để hợp nhất đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần. Các ý kiến kiểm toán này ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính của từng đơn vị, do vậy, cũng ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất. Mức độ ảnh hưởng của các ý kiến kiểm toán này có thể đánh giá thông qua Phụ lục 01 về ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty mẹ và các Công ty con từ trang 35 đến trang 36 và Phụ lục 02 về số liệu tài chính tóm tắt của các Công ty con trang 37 kèm theo.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

- Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết và các Công ty liên doanh được sử dụng để hợp nhất đã được kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận từng phần. Các ý kiến kiểm toán này ảnh hưởng đến số liệu tài chính của từng đơn vị, do vậy, cũng ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.
- Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan và ảnh hưởng đến nhau, đặc biệt là việc các Công ty con có hoạt động thầu phụ xây dựng cho các công trình Tổng Công ty thực hiện và các Công ty con là nhà thầu phụ xây dựng của nhau. Tuy nhiên, toàn bộ doanh thu, giá vốn nội bộ và lãi lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh của các nghiệp vụ kinh tế giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau chưa được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Với các tài liệu hiện có chúng tôi cũng không thể ước tính được ảnh hưởng về số liệu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Toàn bộ công nợ nội bộ giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau chưa được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2013

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.711.022.112.541	1.604.829.734.187
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		157.697.680.755	105.549.980.609
1.	Tiền	111	V.01	152.546.268.949	105.549.980.609
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.151.411.806	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	918.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	918.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.027.157.823.998	1.009.480.169.289
1.	Phải thu khách hàng	131		877.352.725.626	382.746.423.132
2.	Trả trước cho người bán	132		88.059.494.238	72.670.252.719
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		49.793.706.727	507.531.183.722
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	28.061.067.973	61.150.085.399
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(16.109.170.566)	(14.617.775.683)
IV.	Hàng tồn kho	140		427.802.660.288	412.204.434.616
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	427.802.660.288	412.204.434.616
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		98.363.947.500	76.677.149.673
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.143.866.259	16.251.358.723
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.768.204.352	26.515.835.319
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	825.404.700	2.455.321.300
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		37.626.472.189	31.454.634.331

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		260.627.642.339	242.595.119.839
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		26.506.485.406	26.506.485.406
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	26.506.485.406	26.506.485.406
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		91.379.801.134	73.927.543.173
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	65.545.333.858	55.875.901.976
	- Nguyên giá	222		378.189.764.184	374.162.727.791
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(312.644.430.326)	(318.286.825.815)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	21.160.036.596	12.565.283.158
	- Nguyên giá	228		22.939.546.685	14.913.362.962
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.779.510.089)	(2.348.079.804)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	4.674.430.680	5.486.358.039
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	120.754.246.580	126.802.632.404
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10.01	113.573.638.336	119.677.632.404
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10.02	7.180.608.244	7.125.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		21.987.109.219	15.358.458.856
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	20.818.828.844	15.097.438.481
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		1.168.280.375	261.020.375
VI.	Lợi thế thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.971.649.754.880	1.847.424.854.026

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.745.003.899.210	1.651.856.434.019
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.689.280.176.018	1.577.655.733.386
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	252.727.358.814	228.428.394.695
2.	Phải trả người bán	312		169.194.840.310	127.500.439.522
3.	Người mua trả tiền trước	313		915.862.809.117	628.888.010.955
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	63.506.316.892	65.596.317.857
5.	Phải trả người lao động	315		38.609.478.742	27.620.072.414
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	36.520.779.604	16.160.647.627
7.	Phải trả nội bộ	317		100.665.857.880	367.136.022.441
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	105.500.911.794	109.158.923.208
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.691.822.865	7.166.904.667
II.	Nợ dài hạn	330		55.723.723.192	74.200.700.633
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		13.258.392.927	13.467.427.947
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		2.048.757.670	5.534.289.270
3.	Phải trả dài hạn khác	333		175.153.500	173.153.500
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	37.857.341.394	53.320.712.603
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		2.315.895.883	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.705.117.313
7.	Doanh thu chưa thực hiện	337		68.181.818	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.196.316.476	185.012.359.255
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	214.566.119.047	184.691.663.008
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		162.463.103.666	162.490.933.164
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		324.672.155	324.672.155
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		24.522.019.310	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.175
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.972.061.268	5.939.025.424
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.470.774.227	4.234.297.164
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.471.451.426	1.471.451.426
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.152.047.968	9.041.292.473
11.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		1.189.989.027	1.189.989.027
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		630.197.429	320.696.247
2.	Nguồn kinh phí	420		630.197.429	320.696.247
C.	LỢI ÍCH CÔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		11.449.539.194	10.556.060.752
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.971.649.754.880	1.847.424.854.026

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

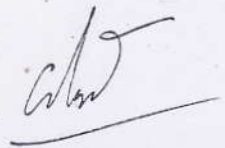
STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài	001	-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002	-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005		
	- USD		316,95	378,49
	- JPY		71.110.079,00	64.127.750,10
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án	006	-	-

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

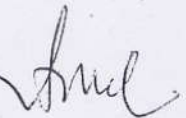
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng



Lê Văn An



Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.557.085.695.204	1.471.873.714.883
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	4.511.880.842	682.806.104
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.552.573.814.362	1.471.190.908.779
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.462.171.766.841	1.407.222.048.032
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.402.047.521	63.968.860.747
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	64.087.885.806	71.999.701.340
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	70.666.248.160	39.328.519.899
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		67.140.491.998	38.788.011.747
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		74.986.568.598	77.029.532.324
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.837.116.569	19.610.509.864
11.	Thu nhập khác	31		18.679.213.258	24.875.365.168
12.	Chi phí khác	32		13.017.038.309	16.819.204.127
13.	Lợi nhuận khác	40		5.662.174.949	8.056.161.041
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		243.630.817	6.588.980.849
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.742.922.335	34.255.651.754
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	2.643.156.308	3.341.742.331
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.315.895.883	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.783.870.144	30.913.909.423
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	31		1.114.801.374	196.805.122
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	32		8.669.068.770	30.717.104.301

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

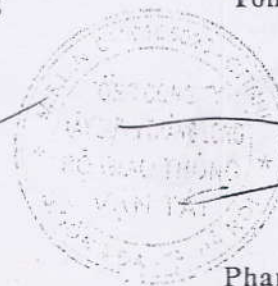
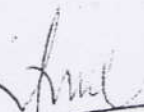
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng



Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.251.253.834.826	1.083.455.436.613
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.106.314.830.034)	(981.721.458.121)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(107.279.881.976)	(103.322.214.237)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(41.569.318.121)	(34.306.197.828)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(346.159.151)	1.853.174.659
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		255.222.380.008	82.118.420.188
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(216.210.733.649)	(45.730.509.971)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.755.291.903	2.346.651.303
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.923.732.503)	(8.661.692.990)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.586.747.981	10.784.261.626
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(24.018.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		918.000.000	23.100.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55.608.244)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.700.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.445.684.090	6.424.504.898
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		971.091.324	10.329.073.534
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		410.796.922.578	355.791.453.870
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(395.519.890.981)	(334.833.949.805)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(619.683.986)	(76.187.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.657.347.611	20.881.317.065

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50.383.730.838	33.557.041.902
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		105.549.980.609	69.350.808.265
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.763.969.308	2.642.130.442
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		157.697.680.755	105.549.980.609

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hưng

Lê Văn An



Phan Quốc Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cấu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Thông tin về Công ty con*Thông tin về Công ty con được hợp nhất*

STT	Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2012			
			Giá trị vốn của Công ty con (VND)	Giá trị vốn của Tổng Công ty tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	<i>Công ty TNHH Một thành viên Cầu 1 Thăng Long</i> Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	20.121.630.295	17.973.096.826	17.973.096.826	100	100
2	<i>Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long</i> Thông Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	8.519.000.000	8.519.000.000	4.356.000.000	51,13	51,13
3	<i>Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long</i> Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	8.138.240.000	8.138.240.000	5.556.240.000	68,27	68,27
4	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long</i> Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	5.544.524.900	5.544.524.900	2.827.707.699	51,00	51,00

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Thông tin về các Công ty liên kết, liên doanh*Công ty liên kết, liên doanh hợp nhất theo phương pháp vốn chủ*

STT	Tên và địa chỉ Công ty liên kết, liên doanh	Vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2012.			
			Giá trị vốn của Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	5.100.000.000	5.100.000.000	1.545.810.000	30,31	30,31
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	6.810.400.000	6.807.300.000	2.629.659.990	38,63	38,63
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long Xã Hải Bôi, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	10.200.000.000	10.200.000.000	3.672.000.000	36,00	36,00
4	Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long Số 26 Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000	20.160.000.000	36,00	36,00
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	11.075.000.000	11.075.100.000	4.036.873.950	36,45	36,45
6	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	4.033.000.000	4.033.000.000	1.976.170.000	49,00	49,00
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long Đường Nam Thăng Long, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, tp. Hà Nội.	6.000.000.000	1.800.000.000	300.060.000	16,67	36,00
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	5.000.000.000	5.000.000.000	1.600.000.000	32,00	35,72
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	10.000.000.000	10.000.000.000	2.815.560.000	36,00	46,03

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên và địa chỉ Công ty liên kết, liên doanh	Vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2012			
			Giá trị vốn của Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
	127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh.					
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long Số 127, Đinh Tiên Hoàng, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	9.000.000.000	8.100.000.000	1.821.758.273	22,49%	22,49%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long Số 3, đường Cù Lan Chính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	4.370.000.000	4.370.000.000	1.310.126.000	29,98	29,98
12	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	20.444.000.000	20.444.000.000	7.359.840.000	36,00	36,00
13	Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long Xã Hải Bôi, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	25.456.850.000	20.579.213.788	4.298.997.760	20,89	20,89
14	Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long Tân Xuân, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội.	6.200.000.000	6.200.000.000	3.038.000.000	49,00	49,00
15	Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên.	47.183.000.000	47.183.000.000	23.313.120.300	49,41	49,41
16	Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, Hà Nội.	91.092.090.474	59.160.863.000	22.911.354.844	39,00	39,00
17	Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mêkông Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	25.000.000.000	25.000.000.000	7.362.500.000	29,45	29,45

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết, liên doanh không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

STT	Tên Công ty liên kết, liên doanh	Giá trị vốn của Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Ghi chú
1.	Công ty Thi công nền móng Việt Pháp	168.249.600	Chưa nhận được Báo cáo tài chính
2.	Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long)	400.000.000	Chưa nhận được Báo cáo tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Cơ sở hợp nhất****Các công ty con**

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí thuê tài sản
- Các khoản chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất là vốn của Nhà nước tại Tổng Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	8.082.650.504	5.030.573.863
- Tiền gửi ngân hàng	131.463.618.445	100.519.406.746
- Tiền đang chuyển	13.000.000.000	-
Cộng	152.546.268.949	105.549.980.609

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn		
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tây Hà Nội	-	483.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN Huế	-	435.000.000
Cộng	-	918.000.000

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	-	289.857.816
- Phải thu của người lao động	18.000.000	-
- Phải thu khác	28.043.067.973	60.860.227.583
Cộng	28.061.067.973	61.150.085.399

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	15.163.135.222	14.854.437.884
- Công cụ, dụng cụ	3.908.973.532	970.041.951
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	408.730.551.534	396.379.954.781
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	427.802.660.288	412.204.434.616

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	824.815.190	2.455.321.300
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	589.510	-
Cộng	825.404.700	2.455.321.300

06. Phải thu dài hạn nội bộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	26.506.485.406	26.506.485.406
Cộng	26.506.485.406	26.506.485.406

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>39.596.394.593</i>	<i>275.787.611.218</i>	<i>47.373.921.650</i>	<i>10.261.718.868</i>	<i>1.143.081.462</i>	<i>374.162.727.791</i>
- Mua trong năm	-	3.372.759.272	2.478.745.454	404.193.637	-	6.255.698.363
- Kết quả xác định giá trị DN	10.880.351.984	-	513.373.874	10.376.896	-	11.404.102.754
- Phân loại lại	-	(2.975.150.210)	283.251.301	139.538.312	2.552.360.597	-
- Tăng khác	542.632.302	122.238.178	158.235.808	-	-	823.106.288
- Thanh lý, nhượng bán	(57.650.000)	(8.380.776.134)	(3.284.614.638)	(2.527.469.880)	-	(14.250.510.652)
- Giảm khác	-	(205.360.360)	-	-	-	(205.360.360)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>50.961.728.879</i>	<i>267.721.321.964</i>	<i>47.522.913.449</i>	<i>8.288.357.833</i>	<i>3.695.442.059</i>	<i>378.189.764.184</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>26.579.842.831</i>	<i>237.445.065.275</i>	<i>45.052.281.596</i>	<i>8.136.303.950</i>	<i>1.073.332.163</i>	<i>318.286.825.815</i>
- Số khấu hao trong năm	1.139.051.288	8.673.302.536	800.241.712	818.076.139	315.812.446	11.746.484.121
- Kết quả xác định giá trị DN	6.795.217.487	(8.233.171.241)	(2.220.582.791)	(138.588.565)	-	(3.797.125.110)
- Phân loại lại	-	(2.975.150.210)	283.251.301	139.538.312	2.552.360.597	-
- Tăng khác	542.632.302	98.223.650	-	3.524.284	-	644.380.236
- Thanh lý, nhượng bán	(28.825.000)	(8.258.878.581)	(3.282.922.514)	(2.521.313.769)	-	(14.091.939.864)
- Giảm khác	-	(119.088.933)	(25.105.939)	-	-	(144.194.872)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>35.027.918.908</i>	<i>226.630.302.496</i>	<i>40.607.163.365</i>	<i>6.437.540.351</i>	<i>3.941.505.206</i>	<i>312.644.430.326</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>13.016.551.762</i>	<i>38.342.545.943</i>	<i>2.321.640.054</i>	<i>2.125.414.918</i>	<i>69.749.299</i>	<i>55.875.901.976</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>15.933.809.971</i>	<i>41.091.019.468</i>	<i>6.915.750.084</i>	<i>1.850.817.482</i>	<i>(246.063.147)</i>	<i>65.545.333.858</i>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	13.414.513.000	807.457.685	691.392.277	14.913.362.962
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(691.392.277)	(691.392.277)
<i>Số dư cuối năm</i>	22.132.089.000	807.457.685	-	22.939.546.685
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	879.574.308	807.457.685	661.047.811	2.348.079.804
- Số khấu hao trong năm	92.478.096	-	30.344.466	122.822.562
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(691.392.277)	(691.392.277)
<i>Số dư cuối năm</i>	972.052.404	807.457.685	-	1.779.510.089
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	12.534.938.692	-	30.344.466	12.565.283.158
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	21.160.036.596	-	-	21.160.036.596

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	31.874.512
- Ván khuôn cốp hộp + đốt cần + VK	-	99.105.251
- Ván khuôn MSS	-	1.122.668.453
- Ván khuôn 3A Thanh Trì	-	144.546.751
- Chế tạo ván khuôn rỗng công trình Dakmin	-	491.180.449
- Nhà điều hành	723.579.819	723.579.819
- Xưởng Lào Cai	1.740.035.610	715.901.744
- Xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	169.631.000	169.631.000
- Khác	158.602.727	137.163.048
Cộng	4.674.430.680	5.486.358.039

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
10.01 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>		<i>80.331.430.702</i>		<i>85.038.259.901</i>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	2.349.222.971	197.600	2.332.103.892
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	10.005.888.667	735.980	9.957.171.911
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	3.234.608.914	262.950	3.464.310.342
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	90.237.678	30.000	306.234.031
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.961.450.307	160.000	1.904.351.641
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	182.176	2.343.914.296	182.176	2.111.139.181
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	154.557	1.662.795.768	154.557	1.632.952.671
- Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	429.841	5.601.298.589	429.841	5.200.640.621
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	4.027.615.452	360.000	4.290.932.231
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.659.965.801	303.800	3.747.836.431
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long	367.200	-	367.200	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	2.016.000	19.937.084.227	2.016.000	20.160.000.000

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	-	403.641	4.506.859.340
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	131.000	1.744.348.032	131.000	1.710.727.570
- Công ty Cổ phần KD Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	40.000	400.000.000	40.000	400.000.000
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	2.331.300	23.313.000.000	2.331.300	23.313.000.000
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh</i>		<i>33.242.207.634</i>		<i>34.639.372.490</i>
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long		25.056.557.545		25.830.494.610
- Công ty Thi công nền móng Việt Pháp		168.249.600		168.249.600
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		8.017.400.489		8.640.628.280
Cộng		113.573.638.336		119.677.632.400

10.02 Đầu tư dài hạn khác

- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	687.061	6.870.608.244	681.500	6.815.000.000
- Tổng Công ty XD Trường Sơn		50.000.000		50.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6		260.000.000		260.000.000
Cộng		7.180.608.244		7.125.000.000

Tổng cộng**120.754.246.580****126.802.632.400****11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trả trước tiền thuê tài sản	-	396.000.000
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	20.032.365.542	5.843.587.625
- Chi phí sửa chữa, đầu tư vật tư luân chuyển	-	5.570.446.121
- Chi phí sửa chữa lớn phân bổ dần	786.463.302	-
- Chi phí trả trước khác	-	3.287.404.735
Cộng	20.818.828.844	15.097.438.481

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>252.727.358.814</i>	<i>228.428.394.695</i>
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	251.037.089.714	218.229.625.595
+ Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.690.269.100	10.198.769.100
Cộng	252.727.358.814	228.428.394.695

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	51.037.708.984	57.223.527.157
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.660.373.138	5.570.858.783
- Thuế thu nhập cá nhân	261.634.825	264.418.471
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	6.754.883.355	2.068.890.347
- Các loại thuế khác	1.845.583.406	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	484.887.221	468.623.099
Cộng	<u>63.506.316.892</u>	<u>65.596.317.857</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi vay phải trả	9.651.942.732	7.451.073.688
- Trích trước chi các công trình	22.464.347.300	4.036.072.796
- Trích trước chi phí các ban điều hành	1.972.679.622	3.746.414.622
- Trích trước chi phí sửa chữa nâng cấp nhà điều hành	1.773.735.000	-
- Trích trước chi phí khác	658.074.950	927.086.521
Cộng	<u>36.520.779.604</u>	<u>16.160.647.627</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	983.458.688	1.005.125.754
- Bảo hiểm xã hội	13.688.688.411	9.738.440.863
- Bảo hiểm y tế	-	28.309.002
- Bảo hiểm thất nghiệp	49.050.772	2.677.818.199
- Phải trả về cổ phần hóa	198.362.374	198.362.374
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	94.762.619
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.581.351.549	95.416.104.397
Cộng	<u>105.500.911.794</u>	<u>109.158.923.208</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay dài hạn</i>	<i>27.862.053.629</i>	<i>43.365.752.254</i>
+ Vay ngân hàng	27.862.053.629	43.365.752.254
+ Vay đối tượng khác	-	-
- <i>Nợ dài hạn</i>	<i>9.995.287.765</i>	<i>9.954.960.349</i>
+ Nợ dài hạn khác	9.995.287.765	9.954.960.349
Cộng	<u>37.857.341.394</u>	<u>53.320.712.603</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	148.813.519.634	324.672.155	-	1.113.750.171	2.974.074.262	1.961.677.008	1.471.451.426	-	15.756.163.203	172.415.307.859
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	30.717.104.301	30.717.104.301
- Cầu 1 Phân phối LN 6 tháng đầu năm	194.601.890	-	-	-	-	-	-	-	-	194.601.890
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	13.482.811.640	-	-	-	2.964.951.162	2.272.620.156	-	1.189.989.027	(24.927.800.419)	(5.017.428.433)
- Giảm khác	-	-	-	(1.113.747.996)	-	-	-	-	(12.504.174.612)	(13.617.922.608)
Số dư cuối năm trước	162.490.933.164	324.672.155	-	2.175	5.939.025.424	4.234.297.164	1.471.451.426	1.189.989.027	9.041.292.473	184.691.663.008
Số dư đầu năm nay										
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	8.669.068.770	8.669.068.770
- Tăng khác	-	-	-	-	8.096.102	4.048.051	-	-	-	12.144.153
- Cầu 1 Xử lý tài chính	(2.644.919.863)	-	-	-	(1.330.012.223)	(1.445.887.734)	-	-	5.420.819.820	-
- Cầu 1 Xác định giá trị doanh nghiệp	-	-	24.522.019.310	-	-	-	-	-	-	24.522.019.310
- Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-	(284.838.400)	(284.838.400)
- Phân phối lợi nhuận trong năm	2.617.090.365	-	-	-	696.378.335	590.498.592	-	-	(5.602.972.374)	(1.699.005.082)
- Giảm khác	-	-	-	(2.175)	(341.426.370)	87.818.154	-	-	(1.091.322.320)	(1.344.932.712)
Số dư cuối năm nay	162.463.103.666	324.672.155	24.522.019.310	-	4.972.061.268	3.470.774.227	1.471.451.426	1.189.989.027	16.152.047.968	214.566.119.047

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	162.463.103.666	162.490.933.164
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	162.463.103.666	162.490.933.164

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	162.490.933.164	148.813.519.634
+ Vốn góp tăng trong năm	2.617.090.365	13.677.413.530
+ Vốn góp giảm trong năm	(2.644.919.863)	-
+ Vốn góp cuối năm	162.463.103.666	162.490.933.164
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.972.061.268	5.939.025.424
- Quỹ dự phòng tài chính	3.470.774.227	4.234.297.164
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.471.451.426	1.471.451.426
Cộng	9.914.286.921	11.644.774.014

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	8.487.533.049	8.302.774.783
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.184.207.425	12.083.587.036
- Doanh thu bán thành phẩm	858.765.491	-
- Doanh thu đóng cọc, bán bê tông	5.355.837.956	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.525.698.272.374	1.442.887.232.519
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án biệt thự Thủy Xuân	3.501.078.909	8.600.120.545
Cộng	1.557.085.695.204	1.471.873.714.883

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	4.511.880.842	682.806.104
Cộng	4.511.880.842	682.806.104

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	8.487.533.049	8.302.774.783
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	13.184.207.425	12.083.587.036
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	858.765.491	-
- Doanh thu thuần đóng cọc, bán bê tông	5.355.837.956	-
- Doanh thu thuần hợp đồng xây lắp	1.521.186.391.532	1.442.204.426.415
- Doanh thu thuần chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án biệt thự Thủy Xuân	3.501.078.909	8.600.120.545
Cộng	1.552.573.814.362	1.471.190.908.779

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	5.911.686.692	317.048.366
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.342.605.500	7.151.713.914
- Giá vốn của bán thành phẩm đã bán	689.490.923	5.812.806.182
- Giá vốn đóng cọc, bán bê tông	5.009.645.130	-
- Giá vốn hợp đồng xây lắp	1.441.160.240.163	1.387.817.177.826
- Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án biệt thự Thủy Xuân	2.058.098.433	6.123.301.744
Cộng	1.462.171.766.841	1.407.222.048.032

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	2.588.571.927	15.389.109.777
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	13.325.787.732
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.221.037.483	6.177.656.918
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.881.283.060	2.072.739.871
- Lãi bán hàng trả chậm	32.000.000	-
- Khác	41.364.993.336	35.034.407.042
Cộng	<u>64.087.885.806</u>	<u>71.999.701.340</u>

06. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	67.140.491.998	38.788.011.747
- Lỗ bán ngoại tệ	2.247.056.116	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.529.450	289.595.071
- Lãi do thanh toán chậm	580.788.180	-
- Chi phí tài chính khác	655.382.416	250.913.081
Cộng	<u>70.666.248.160</u>	<u>39.328.519.899</u>

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.643.156.308	3.341.742.331
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.643.156.308</u>	<u>3.341.742.331</u>

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	674.121.755.765	294.604.732.897
- Chi phí nhân công	107.621.778.357	90.021.861.454
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.925.759.767	7.730.624.524
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.581.582.740	114.639.344.099
- Chi phí khác bằng tiền	58.658.811.238	76.770.919.838
- Chi phí thuê phụ	745.847.104.937	745.675.034.651
Cộng	<u>1.825.756.792.804</u>	<u>1.329.442.517.463</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Điều chỉnh hồi tố***Thuyết minh báo cáo tài chính*

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh (*)	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.617.665.755.252	(12.836.021.065)	1.604.829.734.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	998.416.858.203	11.063.311.086	1.009.480.169.289
1. Phải thu khách hàng	131	362.171.373.319	20.575.049.813	382.746.423.132
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	506.544.755.253	986.428.469	507.531.183.722
5. Các khoản phải thu khác	135	60.283.680.946	866.404.453	61.150.085.399
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(3.253.204.034)	(11.364.571.649)	(14.617.775.683)
IV. Hàng tồn kho	140	436.103.766.767	(23.899.332.151)	412.204.434.616
1. Hàng tồn kho	141	436.103.766.767	(23.899.332.151)	412.204.434.616
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	219.216.221.514	23.378.898.325	242.595.119.839
II. Tài sản cố định	220	73.861.644.848	65.898.325	73.927.543.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	55.875.901.976	65.898.325	55.875.901.976
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(318.352.724.140)	65.898.325	(318.286.825.815)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	103.489.632.404	23.313.000.000	126.802.632.404
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	(23.313.000.000)	23.313.000.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.836.881.976.766	10.542.877.260	1.847.424.854.026
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.653.492.828.083	(1.636.394.064)	1.651.856.434.019
I. Nợ ngắn hạn	310	1.579.292.127.450	(1.636.394.064)	1.577.655.733.386
2. Phải trả người bán	312	127.789.343.044	(288.903.522)	127.500.439.522
3. Người mua trả tiền trước	313	633.803.896.896	(4.915.885.941)	628.888.010.955
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	62.911.780.563	2.684.537.294	65.596.317.857
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	109.128.923.208	30.000.000	109.158.923.208
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	6.313.046.562	853.858.105	7.166.904.667

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	172.732.736.973	12.279.622.282	185.012.359.25
I. Vốn chủ sở hữu	410	172.412.040.726	12.279.622.282	184.691.663.00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	153.824.030.898	8.666.902.266	162.490.933.16
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.324.914.477	1.614.110.947	5.939.025.42
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.997.089.240	1.237.207.924	4.234.297.16
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.795.036.000	(323.584.574)	1.471.451.42
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.146.295.781	(105.003.308)	9.041.292.47
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	1.189.989.027	1.189.989.02
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10.656.411.710	(100.350.958)	10.556.060.75
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.836.881.976.766	10.542.877.260	1.847.424.854.02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.445.956.875.607	25.916.839.276	1.471.873.714.88
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.445.274.069.503	25.916.839.276	1.471.190.908.77
4. Giá vốn hàng bán	11	1.383.388.614.206	23.833.433.826	1.407.222.048.03
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	61.885.455.297	2.083.405.450	63.968.860.74
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	71.150.272.871	849.428.469	71.999.701.34
7. Chi phí tài chính	22	62.641.519.899	(23.313.000.000)	39.328.519.89
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	67.866.559.528	9.162.972.796	77.029.532.32
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.527.648.741	17.082.861.123	19.610.509.86
12. Chi phí khác		16.789.204.127	30.000.000	16.819.204.12
13. Lợi nhuận khác		8.086.161.041	(30.000.000)	8.056.161.04
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.202.790.631	17.052.861.123	34.255.651.75
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	657.449.080	2.684.293.251	3.341.742.33
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	16.545.341.551	14.368.567.872	30.913.909.42
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	297.036.823	(100.231.701)	196.805.12
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	16.248.304.728	14.468.799.573	30.717.104.30

(*) Điều chỉnh theo Kết quả thanh tra Bộ Tài chính tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Cầu 3.Thăng Long.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**02. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố theo kết quả thanh tra Bộ tài chính (xem thuyết minh số VIII.01)

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

04. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	86,78	86,87
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	13,22	13,13
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	88,50	89,41
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	11,50	10,59
2. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,13	1,12
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,02
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,09	0,07
3. Tỷ suất sinh lời		Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,95	2,33
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,63	2,10
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,75	1,85
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,50	1,67
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	4,55	16,71

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2013

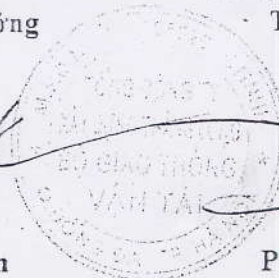
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hưng

Lê Văn An



Phan Quốc Hiếu

PHU LUC 01

Ý KIẾN KIỂM TOÁN TRÊN BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CÔNG TY CON THUỘC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẦU 1 THĂNG LONG

(Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện)

Hạn chế kiểm toán:

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt tồn quỹ, tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với các đối tượng nợ.
- Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện ghi tăng giá trị tài sản, tăng chênh lệch đánh giá lại tài sản theo kết quả định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền là 24.522.019.310 đồng và ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu do lỗ lũy kế đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30 tháng 9 năm 2012) là 5.420.819.820 đồng nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 3 THĂNG LONG

(Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội)

Các giới hạn phạm vi kiểm toán:

- Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang tiếp tục làm thủ tục gia hạn nộp thuế theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2011 theo đó Công ty chưa ghi nhận đủ số tiền phạt chậm nộp thuế theo biên bản quyết toán thuế cho giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010.
- Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty với tỷ lệ như sau: công nợ phải thu tỷ lệ đối chiếu là 79,64% và công nợ phải trả tỷ lệ đối chiếu là 50,4%.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 11 THĂNG LONG

(Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện)

Hạn chế về phạm vi:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán, các khoản vay ngắn hạn chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Công ty cũng chưa đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ quá hạn. Các thủ tục

kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến nhận xét về các số dư này cũng như sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12 THĂNG LONG

(Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam thực hiện)

Hạn chế kiểm toán:

- Chúng tôi không tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty;
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được thực hiện đối chiếu đầy đủ. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, chúng tôi không thể xác nhận được tính chính xác số dư các khoản công nợ này. Đồng thời Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi;
- Số dư ngày đầu năm tài chính ngày 01 tháng 01 năm 2012 trên tài khoản “Chi phí trả trước dài hạn” là 3.287.404.735 VND hiện chưa được Công ty phân bổ phù hợp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ;
- Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên TK 335 – “chi phí phải trả” là 19.968.785.054 VND. Đây là khoản trích trước chi phí công trình Srepok 3 với số tiền là 2.766.929.828 VND và Công trình QL18 với số tiền là 1.269.142.978 VND từ những năm trước chưa có hồ sơ được hoàn.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị là 100.920.257.027 đồng và giá vốn hoạt động xây lắp trong năm với giá trị 31.057.544.709 đồng chưa được xác định phù hợp đối với từng công trình xây dựng.

5. BÁO CÁO RIÊNG CÔNG TY ME - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

(Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện)

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Văn phòng Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi khẳng định được tính hiện hữu, tính đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng nợ.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được tính bằng với giá trị của sản lượng dở dang do Công ty tự xác định, trong đó, giá trị của sản lượng dở dang được tính căn cứ trên khối lượng thực hiện và đơn giá theo hợp đồng với chủ đầu tư.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 02 - SỐ LIỆU TÀI CHÍNH TÓM TẮT CỦA CÁC CÔNG TY CON

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng Tổng Công ty	Công ty TNHH Cầu 1 Thăng Long	Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long
TÀI SẢN					
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.116.370.242.908	152.166.115.146	138.092.226.059	139.896.088.637	158.531.650.075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	92.310.710.595	9.069.197.984	17.479.203.126	33.196.285.546	5.642.283.504
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu	768.959.940.496	59.310.098.041	83.479.927.661	64.695.151.691	44.746.916.393
IV. Hàng tồn kho	184.370.806.884	80.331.052.938	31.753.988.638	29.575.607.227	101.771.204.601
V. Tài sản ngắn hạn khác	70.728.784.933	3.455.766.183	5.379.106.634	12.429.044.173	6.371.245.577
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	212.420.018.513	40.618.667.457	17.455.760.934	13.270.459.001	5.503.862.836
I. Các khoản phải thu dài hạn	26.506.485.406	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	20.136.025.327	38.708.579.590	17.055.760.934	13.270.459.001	2.208.976.282
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	148.995.372.982	-	400.000.000	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	16.782.134.798	1.910.087.867	-	-	3.294.886.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.328.790.261.421	192.784.782.603	155.547.986.993	153.166.547.638	164.035.512.911
NGUỒN VỐN					
A. NỢ PHẢI TRẢ	1.147.124.373.370	152.561.168.663	144.499.464.081	143.420.425.283	157.398.467.813
I. Nợ ngắn hạn	1.114.871.955.757	152.311.168.663	130.167.571.154	139.887.514.113	152.041.966.331
II. Nợ dài hạn	32.252.417.613	250.000.000	14.331.892.927	3.532.911.170	5.356.501.482
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	181.665.888.051	40.223.613.940	11.048.522.912	9.746.122.355	6.637.045.098
I. Vốn chủ sở hữu	181.665.888.051	40.223.613.940	11.048.522.912	9.115.924.926	6.637.045.098
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	-	-	630.197.429	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.328.790.261.421	192.784.782.603	155.547.986.993	153.166.547.638	164.035.512.911
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
I. Doanh thu thuần	1.026.459.023.245	159.788.105.751	153.253.944.892	169.808.275.699	43.264.464.775
II. Giá vốn hàng bán	988.063.148.325	143.649.102.577	134.896.520.276	164.505.450.954	31.057.544.709
III. Lợi nhuận trước thuế	16.264.862.639	(4.741.667.120)	2.262.398.197	563.369.633	150.328.169
III. Lợi nhuận sau thuế	12.198.646.979	(5.102.412.239)	1.866.478.513	464.779.947	112.746.127